

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 469/QĐ-UBND

Tuy Hòa, ngày 08 tháng 3 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phân loại đường phố trong các đô thị trên địa bàn tỉnh
để làm căn cứ tính thuế đất**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Thông tư số 83 TC/TCT ngày 07/10/1994 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 94/CP ngày 25/8/1994 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh thuế nhà, đất;

Theo đề nghị của Liên ngành: Cục Thuế - Sở Tài chính - Sở Xây dựng - Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 136/LN-TTr ngày 26/01/2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân loại đường phố trong các đô thị trên địa bàn tỉnh, để làm căn cứ tính thuế đất kể từ năm 2007 trở đi.

Chi tiết từng loại đường phố như Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Giao Cục Thuế phối hợp các cơ quan liên quan có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra trong việc thực hiện theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Cục trưởng Cục Thuế, Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan liên quan, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Bá Lộc

Phụ lục
PHÂN LOẠI ĐƯỜNG PHỐ TRONG CÁC ĐÔ THỊ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỀ LÀM CĂN CỨ TÍNH THUẾ ĐẤT
(Ban hành kèm theo Quyết định số 469/QĐ-UBND
ngày 08/3/2007 của UBND tỉnh Phú Yên)

1. Thành phố Tuy Hòa

| Tên đường | Đoạn đường |
|---|---|
| Đường loại 1 | |
| Trần Hưng Đạo | Đoạn từ Lê Duẩn đến quốc lộ 1A |
| Ngô Quyền | Đoạn từ Trần Hưng Đạo đến Lê Lợi |
| Nguyễn Trãi | Đoạn từ Trần Hưng Đạo đến Nguyễn Huệ |
| Lê Lợi | Đoạn từ Duy Tân đến quốc lộ 1A |
| Hùng Vương | Đoạn từ Trần Hưng Đạo đến Nguyễn Huệ |
| Nguyễn Thái Học | Đoạn từ Trần Hưng Đạo đến Nguyễn Huệ |
| Quốc lộ 1A | Đoạn từ Trần Hưng Đạo đến Lê Thành Phương |
| Lê Thánh Tôn | Đoạn từ Nguyễn Trãi đến Trần Bình Trọng |
| Nguyễn Huệ | Đoạn từ Trường Chinh đến Lê Trung Kiên |
| Trần Phú | Đoạn từ Trường Chinh đến Hùng Vương |
| Trần Phú | Đoạn từ Lê Thành Phương đến quốc lộ 1A |
| Đất có mặt tiền tiếp giáp Bến xe nội thị | Bến xe nội tỉnh |
| Đường loại 2 | |
| Nguyễn Du | Toàn bộ đường |
| Lương Văn Chánh | Đoạn từ Trần Hưng Đạo đến Lê Lợi |
| Nguyễn Trãi | Đoạn từ Nguyễn Công Trứ đến Trần Hưng Đạo |
| Trần Bình Trọng | Đoạn từ Trần Hưng Đạo đến Lê Lợi |
| Phan Đình Phùng | Đoạn từ số nhà 27 đến Nguyễn Huệ |
| Cao Thắng | Toàn bộ đường |
| Lê Trung Kiên | Đoạn từ Tản Đà đến Nguyễn Huệ |
| Quốc lộ 1A | Đoạn từ Lê Thành Phương đến ranh giới giữa F8 và F9 |
| Nguyễn Công Trứ | Đoạn từ Phan Đình Phùng đến Trần Quý Cáp |
| Lê Thánh Tôn | Đoạn từ Trần Bình Trọng đến Lê Trung Kiên |
| Nguyễn Huệ | Đoạn từ Độc Lập đến Trường Chinh |
| Trần Phú | Đoạn từ Độc Lập đến Trường Chinh |
| Lê Thành Phương | Đoạn từ Nguyễn Huệ đến quốc lộ 1A |
| Tản Đà | Toàn bộ đường |
| Trường Chinh | Đoạn từ Nguyễn Huệ đến Trần Phú |

| Tên đường | Đoạn đường |
|------------------------|---|
| Hùng Vương | Đoạn từ Nguyễn Huệ đến Trần Phú |
| Duy Tân | Đoạn từ Trần Hưng Đạo đến Nguyễn Huệ |
| Phan Bội Châu | Toàn bộ đường |
| Trần Phú | Đoạn từ quốc lộ 1A đến đường vành đai thành phố |
| Nguyễn Trung Trực | Đoạn từ Trần Phú đến đường số 10 |
| Lê Lợi | Đoạn từ Hùng Vương đến Duy Tân |
| Lê Duẩn | Đoạn từ Trần Hưng Đạo đến Trần Phú |
| Đường loại 3 | |
| Bà Triệu | Đoạn từ Nguyễn Huệ đến Trần Phú |
| Bà Triệu | Đoạn từ Trần Hưng Đạo đến Lý Thái Tổ |
| Trần Bình Trọng | Đoạn từ Nguyễn Công Trứ đến Trần Hưng Đạo |
| Trần Quý Cáp | Đoạn từ Nguyễn Công Trứ đến Lê Lợi |
| Nguyễn Thái Học | Đoạn còn lại |
| Huỳnh Thúc Kháng | Đoạn từ Trần Hưng Đạo đến Lê Lợi |
| Quốc lộ 1A | Đoạn từ cầu Sông Chùa đến Trần Hưng Đạo |
| Quốc lộ 1A | Đoạn từ ranh giới F8-F9 đến giáp xã Bình Kiên |
| Nguyễn Công Trứ | Đoạn từ Trần Quý Cáp đến Trần Hưng Đạo (F6) |
| Đường số 10 (phường 8) | Toàn bộ đường |
| Yersin | Toàn bộ đường |
| Phạm Hồng Thái | Toàn bộ đường |
| Lê Quý Đôn | Đoạn từ Nguyễn Công Trứ đến Hoàng Diệu |
| Trần Cao Vân | Toàn bộ đường |
| Chu Văn An | Đoạn Trần Hưng Đạo đến Hoàng Diệu |
| Hoàng Diệu | Toàn bộ đường |
| Điện Biên Phủ | Đoạn từ Độc Lập đến Hùng Vương |
| Hùng Vương | Đoạn từ Bạch Đằng đến Trần Hưng Đạo |
| Hùng Vương | Đoạn từ Trần Phú đến Đường 1 tháng 4 |
| Độc lập | Đoạn từ Trần Hưng Đạo đến Trần Phú |
| Huyền Trân Công Chúa | Toàn bộ đường |
| Nguyễn Trãi | Đoạn từ Bạch Đằng đến Nguyễn Công Trứ |
| Trần Hưng Đạo | Đoạn từ Độc Lập đến Lê Duẩn |
| Chu Mạnh Trinh | Đoạn từ Phan Đình Phùng đến Nguyễn Công Trứ |
| Lương Văn Chánh | Đoạn từ Nguyễn Tri Phương đến Trần Hưng Đạo |
| Lương Văn Chánh | Đoạn từ Lê Lợi đến Nguyễn Huệ |
| Ngô Quyền | Đoạn từ Nguyễn Tri Phương đến Trần Hưng Đạo |
| Ngô Quyền | Đoạn từ Lê Lợi đến Lý Thường Kiệt |
| Nguyễn Trung Trực | Đoạn từ đường số 10 đến ranh giới phường 9 |
| Đường số 7 | Toàn bộ đường |
| Nguyễn Đình Chiểu | Toàn bộ đường |

| Tên đường | Đoạn đường |
|--------------------------|--|
| Nguyễn Chí Thanh | Toàn bộ đường |
| Nguyễn Tường Tô | Toàn bộ đường |
| Đồng Khởi | Toàn bộ đường |
| Nguyễn Văn Cừ | Toàn bộ đường |
| Lương Tấn Thịnh | Toàn bộ đường |
| Nguyễn Tất Thành | Toàn bộ đường |
| Nguyễn Thị Minh Khai | Đoạn từ Độc Lập đến Trường Chinh |
| Lý Tự Trọng | Toàn bộ đường |
| Lê Hồng Phong | Đoạn từ Độc Lập đến Trường Chinh |
| Duy Tân | Đoạn từ Nguyễn Công Trứ đến Trần Hưng Đạo |
| Khu dân cư Rạch Bàu Hạ | Đường rộng từ 16 m trở lên |
| Đường loại 4 | |
| Trường Chinh | Đoạn từ Nguyễn Du đến Lý Thường Kiệt |
| Bà Triệu | Đoạn còn lại |
| Trần Quý Cáp | Đoạn từ Bạch Đằng đến Nguyễn Công Trứ |
| Phan Đình Phùng | Đoạn từ Bạch Đằng đến số nhà 27 |
| Lê Trung Kiên | Đoạn từ quốc lộ 1A đến Tân Đà |
| Lê Trung Kiên | Đoạn từ Nguyễn Huệ đến Trần Phú |
| Khu vực cảng cá Phường 6 | |
| Độc lập | Đoạn còn lại |
| Hùng Vương | Đoạn từ đường 1/4 đến quốc lộ 1A |
| Quốc lộ 1A | Đoạn còn lại. |
| Duy Tân | Đoạn từ Bạch Đằng đến Nguyễn Công Trứ |
| Lý Thái Tổ | Toàn bộ đường. |
| Lý Thường Kiệt | Đoạn từ Lê Duẩn đến Trường Chinh |
| Lê Hồng Phong | Đoạn từ Trường Chinh đến Hùng Vương |
| Nguyễn Thị Minh Khai | Đoạn từ Trường Chinh đến Hùng Vương |
| Đường số 11 | Toàn bộ đường. |
| Đường không tên | Tại các khu dân cư mới |
| Xã lộ 20 | Đoạn đường trong thành phố. |
| Hương lộ 19 | Đoạn từ chùa Hồ Sơn đến giáp xã Bình Kiến |
| Đường 1 tháng 4 | Từ quốc lộ 1A đến Hùng Vương |
| Nguyễn Văn Linh | Đoạn từ Nam cầu Đà Rằng - Nút giao quốc lộ 1A và đường Hải Dương |
| ĐT645 | Địa phận phường phú lâm |
| Cách Mạng tháng Tám | Đoạn từ Nam cầu Đà Rằng - ngã tư đường Hải Dương + Lạc Long Quân |
| Hải Dương | Đoạn từ ngã tư giáp Cách mạng Tháng tám - Nút Giao quốc lộ 1A |
| Thăng Long | Toàn bộ đường |

| Tên đường | Đoạn đường |
|-------------------|---|
| Lạc Long Quân | Toàn bộ đường |
| Ngô Gia Tự | Toàn bộ đường |
| Đoàn Thị Điểm | Toàn bộ đường |
| Đường 3 tháng 2 | Từ Ngô Gia Tự đến Trụ sở Khu phố 3 |
| Phạm Văn Đồng | Toàn bộ đường |
| Nguyễn Hữu Thọ | Toàn bộ đường |
| Nguyễn Thị Định | Toàn bộ đường |
| Đinh Tiên Hoàng | Đoạn cổng chào khu phố 6 - Đồn biên phòng |
| Trần Kiệt | Toàn bộ đường |
| Đường 27 tháng 7 | Toàn bộ đường |
| Phan Chu Trinh | Toàn bộ đường |
| Nguyễn Anh Hào | Từ Nguyễn Văn Linh đến Đoàn Thị Điểm |
| Võ Thị Sáu | Toàn bộ đường |
| Bùi Thị Xuân | Toàn bộ đường |
| Lý Công Uẩn | Toàn bộ đường |
| Kim Đồng | Toàn bộ đường |
| Phạm Đình Quy | Toàn bộ đường |
| Trần Quốc Tuấn | Toàn bộ đường |
| Đổng Đa | Toàn bộ đường |
| Yết Kiêu | Toàn bộ đường |
| Đinh Tiên Hoàng. | Đoạn từ ngã ba Đồn Biên phòng đến cảng cá |
| Đường 3 tháng 2 | Đoạn còn lại |
| Nguyễn Anh Hào | Đoạn từ Nguyễn Văn Linh đến cầu Ông Tuấn |
| Các đường còn lại | Các đoạn đường trong thành phố |

2. Thị trấn Chí Thạnh:

| Tên đường | Đoạn đường |
|----------------------|---|
| Đường loại 1 | |
| Quốc lộ 1A | Đoạn từ giáp cầu Đông Sa đến đường sắt |
| Quốc lộ 1A | Đoạn từ đường sắt ra đến đường bê tông thôn Trường Xuân |
| Ô Loan | Toàn bộ đường |
| Lê Thành Phương | Từ quốc lộ 1A đến Giếng nông sản |
| Võ Trú | Từ đường Lê Thành Phương đến đường Ngân Sơn - Chí Thạnh |
| Trần Phú | Từ đường Hải Dương đến đường Trần Rịa |
| Ngân Sơn - Chí Thạnh | Phần còn lại |

| Tên đường | Đoạn đường |
|------------------------------------|--|
| Hải Dương | Từ đường Lê Thành Phương đến đường Ngân Sơn - Chí Thạnh |
| Đường loại 2 | |
| Quốc lộ 1A | Đoạn từ ranh giới xã An Cư đến cầu Đông Sa |
| Quốc lộ 1A | Đoạn từ đường bê tông thôn Trường Xuân đến cầu Ngân Sơn |
| Ngân Sơn - Chí Thạnh | Đoạn từ đường Võ Tứ đến đường Ô Loan |
| Nguyễn Mỹ | Toàn bộ đường |
| Trần Phú | Từ đường Hải Dương đến đường Võ Trứ |
| Võ Trứ | Từ đường Ngân Sơn-Chí Thạnh đến đường Hải Dương |
| Trần Phú | Các đoạn còn lại |
| Hải Dương | Từ đường Ngân Sơn-Chí Thạnh đến đường Võ Trứ |
| Nguyễn Hoa | Toàn bộ đường |
| Trần Rịa | Từ đường Lê Thành Phương đến đường Trần Phú |
| Nguyễn Thị Loan | Toàn bộ đường |
| Châu Kim Huệ | Đoạn từ Trần Rịa đến nhà máy xay xát cũ |
| Lê Thành Phương | Từ Giếng nông sản đến đình đèo Thị |
| Đường dẫn đến Trung tâm Y tế huyện | Đoạn từ quốc lộ 1A đến cổng Trung tâm Y tế huyện |
| Đoạn Trần Rịa kéo dài | Từ đường Trần Phú đi qua hết khu dân cư Đồng Gò Méc, thị trấn Chí Thạnh |
| Đường không tên | Đoạn từ khu dân cư Đồng Gò Méc đến quốc lộ 1A |
| Đường không tên | Đoạn từ quốc lộ 1A (cây số 1301) đi xuống đến cầu Lò Gốm |
| Khu dân cư đồng Gò Méc | Trục đường rộng lớn hơn 6 mét |
| Đường loại 3 | |
| Võ Trứ | Đoạn từ đường Hải Dương đến quốc lộ 1A |
| Châu Kim Huệ | Đoạn còn lại |
| Đoạn đường Long Đức | Từ ngã ba Long Đức đi Long Đức |
| Đường không tên | Đoạn từ ngã ba cây Keo đến ngã ba cây Đông thôn Ngân Sơn, thị trấn Chí Thạnh |
| Lê Thành Phương | Từ quốc lộ 1A đến ga Chí Thạnh |
| Khu dân cư đồng Gò Méc | Trục đường rộng nhỏ hơn hoặc bằng 6 mét |
| Các đường còn lại | Các đoạn đường trong thị trấn |

3. Thị trấn Sông Cầu:

| Tên đường | Đoạn đường |
|------------------|-------------------|
|------------------|-------------------|

| | |
|------------------------------|--|
| Đường loại 1 | |
| Quốc lộ 1A | Đoạn từ Bắc cầu Tam Giang đến giáp tuyến tránh quốc lộ 1A |
| Hai Bà Trưng | Đoạn từ quốc lộ 1A đến giáp đường Lương Văn Chánh |
| Lương Văn Chánh | Toàn bộ đường |
| Trần Bình Trọng | Từ đường Nguyễn Huệ đến đường Lương Văn Chánh |
| Nguyễn Huệ | Toàn bộ đường |
| Đường loại 2 | |
| Quốc lộ 1A | Đoạn từ Km1281 đến Nam cầu Tam Giang |
| Quốc lộ 1A | Đoạn từ tuyến tránh quốc lộ 1A đến giáp xã Xuân Phương |
| Đường tuyến tránh quốc lộ 1A | Từ đầu tuyến tránh đến giáp Chùa Long Quang |
| ĐT644 | Đoạn giáp quốc lộ 1A đến cổng Cầu Dàn |
| ĐT644 | Đoạn từ cổng Cầu Dàn đến giáp tuyến tránh quốc lộ 1A |
| Nguyễn Hồng Sơn | Đoạn quốc lộ 1A đến giáp Lăng Bà |
| Hai Bà Trưng | Đoạn từ đường Lương Văn Chánh đến giáp đường Trần Hưng Đạo |
| Bùi Thị Xuân | Toàn bộ đường |
| Trần Hưng Đạo | Toàn bộ đường |
| Hùng Vương | Toàn bộ đường |
| Lê Lợi | Đoạn từ quốc lộ 1A đến giáp biển |
| Phan Bội Châu | Toàn bộ đường |
| Phan Đình Phùng | Toàn bộ đường |
| Ngô Quyền | Toàn bộ đường |
| Lê Thành Phương | Toàn bộ đường |
| Hoàng Hoa Thám | Toàn bộ đường |
| Võ Thị Sáu | Toàn bộ đường |
| Lý Thường Kiệt | Toàn bộ đường |
| Đường loại 3 | |
| Quốc lộ 1A | Đoạn từ giáp ranh xã Xuân Thọ 1 đến Km1281 |
| Đường tuyến tránh quốc lộ 1A | Từ chùa Long Quang đến giáp ranh xã Xuân Thọ 1 |
| ĐT644 | Từ giáp tuyến tránh quốc lộ 1A đến giáp xã Xuân Lâm |
| Nguyễn Hồng Sơn | Các đoạn còn lại trong thị trấn |
| Trần Bình Trọng | Đoạn còn lại |
| Lê Lợi | Đoạn còn lại |

| Tên đường | Đoạn đường |
|-------------------|-------------------------------|
| Các đường còn lại | Các đoạn đường trong thị trấn |

4. Thị trấn La Hai:

| Tên đường | Đoạn đường |
|---------------------|---|
| Đường loại 2 | |
| Lê Lợi | Toàn bộ đường |
| Trần Phú | Toàn bộ đường |
| Nguyễn Trãi | Toàn bộ đường |
| Nguyễn Huệ | Từ đường ĐT641 đến đường sắt Bắc Nam |
| ĐT641 | Từ đường ĐT642 (Km 15 + 050) đến Dốc Quận (Km16+000) |
| Phan Lưu Thanh | Từ đường ĐT641 đến đường ĐT641 |
| Phan Lưu Thanh | Từ đường Trần Cao Vân đến đường ĐT641 |
| Nguyễn Du | Từ đường Trần Phú (trạm BVTV) đến đường Lê Thánh Tôn |
| Trần Hưng Đạo | Từ đường Trần Phú (giao Lê Thánh Tôn) đến đường Lê Thành Phương |
| ĐT642 | Từ Km14+700 đến Km15+050 |
| Đường loại 3 | |
| ĐT641 | Đoạn còn lại (Đoạn trong thị trấn La Hai) |
| Trần Cao Vân | Đoạn còn lại |
| Trần Hưng Đạo | Đoạn còn lại |
| Võ Thị Sáu | Toàn bộ đường |
| Võ Trứ | Toàn bộ đường |
| Lương Tấn Thịnh | Toàn bộ đường |
| ĐT642 | Đoạn còn lại (Đoạn trong thị trấn La Hai) |
| La Hai - Đồng Hội | Toàn bộ đường |
| Các đường còn lại | Các đoạn đường trong thị trấn |

5. Thị trấn Củng Sơn:

| Tên đường | Đoạn đường |
|---------------------|--|
| Đường loại 2 | |
| Trần Phú | Đoạn giao đường Trần Hưng Đạo đến mương nước thủy lợi (cách ngã tư Lê lợi với đường Trần Phú 110m về phía Sông Ba) |

| Tên đường | Đoạn đường |
|------------------------|---|
| Trần Phú | Từ mương nước thủy lợi (cách ngã tư Lê Lợi với đường Trần Phú 110m về phía Sông Ba) đến cầu Suối Cá |
| Trần Phú | Đoạn từ cầu Suối Cá đến bờ Sông Ba |
| Nguyễn Chí Thanh | Đoạn giao đường Trần Phú đến giao đường Hùng Vương |
| Lê Lợi | Đoạn giao đường Trần Phú đến giao đường Hùng Vương |
| Đường nội bộ | Đường nội bộ chợ Sơn Hòa giao đường Lê Lợi đến giao đường Nguyễn Chí Thanh |
| Đường loại 3 | |
| Trần Phú | Các đoạn còn lại trong thị trấn |
| Trần Hưng Đạo | Toàn bộ đường |
| Nguyễn Thị Minh Khai | Toàn bộ đường |
| Nguyễn Chí Thanh | Các đoạn còn lại trong thị trấn |
| Đường 24 tháng 3 | Các đoạn trong thị trấn |
| Lê Lợi | Các đoạn còn lại trong thị trấn |
| Hai Bà Trưng | Các đoạn còn lại trong thị trấn |
| Võ Thị Sáu | Toàn bộ đường |
| Hùng Vương | Toàn bộ đường |
| Các đoạn đường còn lại | Thuộc khu Xóm hồ Suối Bùn |
| Đường số 11 | Toàn bộ đường |
| Các đường còn lại | Các đoạn đường trong thị trấn |

6. Thị trấn Hai Riêng

| Tên đường | Đoạn đường |
|---------------------|---|
| Đường loại 2 | |
| Trần Hưng Đạo | Từ ngã ba Hoàng Hoa Thám đến trụ sở UBND huyện Sông Hinh |
| Trần Hưng Đạo | Từ ngã ba Hoàng Hoa Thám đến Huyện Đội |
| Lê Lợi | Từ ngã tư Trần Hưng Đạo đến ngã ba Hai Bà Trưng |
| Lê Lợi | Từ ngã ba Hai Bà Trưng đến ngã ba Hoàng Văn Thụ |
| Nguyễn Trãi | Đoạn từ ngã tư đường Trần Hưng Đạo đến ngã ba Nguyễn Công Trứ |
| Nguyễn Công Trứ | Từ ngã ba đường Nguyễn Trãi đến ngã ba đường |

| Tên đường | Đoạn đường |
|---------------------|--|
| | Lương Văn Chánh |
| Lương Văn Chánh | Đoạn từ ngã tư đường Trần Hưng Đạo đến đường Nguyễn Công Trứ |
| Lương Văn Chánh | Đoạn từ ngã tư đường Trần Hưng Đạo đến ngã tư đường Hai Bà Trưng |
| Đường loại 3 | |
| Trần Hưng Đạo | Các đoạn còn lại trong thị trấn |
| Lê Lợi | Các đoạn còn lại trong thị trấn |
| Nguyễn Trãi | Các đoạn còn lại trong thị trấn |
| Trần Phú | Toàn bộ đường |
| Nguyễn Huệ | Toàn bộ đường |
| Hồ Xuân Hương | Toàn bộ đường |
| Nguyễn Văn Trỗi | Toàn bộ đường |
| Lương Văn Chánh | Các đoạn còn lại trong thị trấn |
| Hai Bà Trưng | Các đoạn đường trong thị trấn |
| Ngô Quyền | Toàn bộ đường |
| Lý Thường Kiệt | Toàn bộ đường |
| Bà Triệu | Toàn bộ đường |
| Hoàng Văn Thụ | Toàn bộ đường |
| Lê Thành Phương | Toàn bộ đường |
| Hoàng Hoa Thám | Các đoạn đường trong thị trấn |
| Nguyễn Đình Chiểu | Các đoạn đường trong thị trấn |
| Chu Văn An | Toàn bộ đường |
| Tuệ Tĩnh | Toàn bộ đường |
| Lê Quý Đôn | Toàn bộ đường |
| ĐT645 | Các đoạn đường trong thị trấn |
| ĐT649 | Các đoạn đường trong thị trấn |
| Các đường còn lại | Các đoạn đường trong thị trấn |

Ghi chú: Về vị trí đất áp dụng vị trí theo quy định tại Quyết định số 2138/2006/QĐ-UBND ngày 29/12/2006 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh năm 2007.